

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/DS-ST
Ngày: 11 – 7 - 2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Lạc

2. Ông Nguyễn Văn Đen

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân
huyện TL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham
gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, thành
phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
102/2023/TLST - DS ngày 13 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2023/QĐXXST-DS
ngày 07 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị S, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số nhà XYZ Ấp DT, xã DH, huyện CD, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Trịnh Thế N, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp THA, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn và bị đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị S trình bày: Ngày 10/9/2019 ông Trịnh Thế N

có mượn (vay) của bà số tiền 5.000.000 đồng và số vàng 7,7 chỉ vàng 18k. Việc cho mượn không lấy lãi. Ông N hứa trả từ từ (trả nhiều lần) cho đến khi thanh toán hết. Tuy nhiên, sau khi mượn cho đến năm 2022 thì ông N vẫn không trả khoản nào cho bà. Do vậy, bà yêu cầu Ban nhân dân ấp THA hòa giải. Sau đó, ông N có trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng và 1,3 chỉ vàng 18k. Số vàng còn lại 6,4 chỉ vàng 18k thì ông N không thanh toán và trốn tránh cho đến nay. Do không thể gặp ông N để yêu cầu trả nợ nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N trả cho bà số vàng còn lại là 6,4 chỉ vàng 18k. Bà không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Ông Trịnh Thế N trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà S. Ông có vay của bà S số tiền 5.000.000 đồng và số vàng 7,7 chỉ vàng 18k. Việc cho vay có lập văn bản viết tay, do ông tự viết và ký tên. Ông thừa nhận chữ ký tại biên nhận là của ông. Bà Năm được ghi trong giấy tay chính là bà Lê Thị S, do bà S là họ hàng bên vợ cũ của ông nên ông gọi là bà Năm. Ông vay tiền, vàng và nhận trực tiếp từ bà S. Ông thống nhất số vàng còn nợ lại bà S đến thời điểm này là 6,4 chỉ vàng 18k. Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:
Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 6, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 166, Điều 463 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi

kiện của bà Lê Thị S. Buộc ông Trịnh Thế N trả cho bà S số vàng 6,4 chỉ vàng 18k. Buộc ông N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị S khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn Trịnh Thế N có nơi đăng ký thường trú tại ấp THA, thị trấn TL, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định vào ngày 10/9/2019 ông Trịnh Thế N có vay của bà Lê Thị S số tiền 5.000.000 đồng và 7,7 chỉ vàng 18k. Việc cho vay có lập văn bản viết tay, ông N xác nhận đúng chữ ký của ông. Theo thỏa thuận thì ông N sau khi vay sẽ thanh toán dần cho bà S thành nhiều đợt cho đến khi hết nợ, tuy nhiên không thỏa thuận thời gian cụ thể. Vì ông N không thực hiện việc trả nợ nên phát sinh tranh chấp và bà S có yêu cầu Ban nhân dân ấp THA hòa giải vào ngày 04/11/2022. Sau khi phát sinh tranh chấp thì ông N có thanh toán cho bà S số tiền 5.000.000 đồng và 1,3 chỉ vàng 18k. Số vàng còn nợ lại là 6,4 chỉ vàng 18k thì ông N không thanh toán. Nay bà S khởi kiện yêu cầu ông N thanh toán cho bà số vàng 6,4 chỉ vàng 18k còn nợ, không yêu cầu tính lãi suất. Ông N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà S và ông N đã thống nhất số vàng mà ông N còn nợ bà S cho đến thời điểm này là 6,4 chỉ vàng 24k. Ông N không có ý kiến gì đối với việc khởi kiện của bà S. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị S. Buộc ông Trịnh Thế N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị S 6,4 chỉ vàng 18k.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trịnh Thế N phải nộp số tiền 1.346.560 đồng. Bà Lê Thị S không phải nộp. Bà S đã nộp tạm ứng số tiền 640.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005102 ngày 03/4/2023 được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện TL;
- Cơ quan THA huyện TL;
- Lưu: HS; VT-TA.

Đỗ Ngọc Diễm